

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

01-THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	01.01.03	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
2	01.01.07	Toán	15.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
3	01.01.08	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
4	01.01.09	Toán	18.500	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
5	01.01.12	Toán	15.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
6	01.01.14	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
7	01.01.18	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
8	01.01.19	Toán	15.500	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
9	01.01.22	Toán	20.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
10	01.02.03	Vật lí	14.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
11	01.02.10	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
12	01.02.16	Vật lí	17.000	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
13	01.02.22	Vật lí	15.000	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
14	01.02.15	Vật lí	15.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
15	01.03.03	Hoá học	16.625	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
16	01.03.04	Hoá học	21.875	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
17	01.03.05	Hoá học	29.375	Nhất	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
18	01.03.08	Hoá học	27.250	Nhì	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
19	01.03.10	Hoá học	17.500	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
20	01.04.02	Sinh học	23.500	Nhì	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
21	01.04.06	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
22	01.04.07	Sinh học	19.500	K.Khích	12	THPT Thốt Nốt
23	01.04.14	Sinh học	20.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
24	01.04.17	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
25	01.04.03	Sinh học	23.500	Nhì	12	THPT chuyên Vị Thanh
26	01.04.08	Sinh học	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
27	01.04.16	Sinh học	20.250	K.Khích	12	THPT Nguyễn Khuyến
28	01.05.04	Tin học	18.450	Ba	12	THPT FPT Cần Thơ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

01-THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	01.05.08	Tin học	12.901	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
30	01.05.11	Tin học	22.460	Nhì	12	THPT FPT Cần Thơ
31	01.05.12	Tin học	13.460	K.Khích	12	THPT FPT Cần Thơ
32	01.05.15	Tin học	13.770	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
33	01.05.07	Tin học	13.290	K.Khích	11	THPT chuyên Vị Thanh
34	01.05.16	Tin học	19.690	Ba	12	THPT chuyên Vị Thanh
35	01.05.01	Tin học	19.227	Ba	12	THPT Đại Ngãi
36	01.05.03	Tin học	16.440	K.Khích	12	THPT Đại Ngãi
37	01.05.06	Tin học	16.420	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
38	01.06.05	Ngữ văn	14.250	Nhì	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
39	01.06.16	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
40	01.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT chuyên Vị Thanh
41	01.06.22	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Vị Thanh
42	01.06.26	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Vị Thanh
43	01.06.08	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
44	01.06.09	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
45	01.06.25	Ngữ văn	12.250	K.Khích	11	THPT Đại Ngãi
46	01.06.27	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
47	01.07.02	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
48	01.07.04	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
49	01.07.10	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
50	01.07.11	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
51	01.07.14	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
52	01.07.18	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
53	01.07.30	Lịch sử	14.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
54	01.07.20	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT chuyên Vị Thanh
55	01.07.01	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
56	01.07.09	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT Hoàng Diệu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

01-THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	01.07.16	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THCS và THPT Long Hưng
58	01.07.21	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
59	01.07.27	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Lịch Hội Thượng
60	01.07.22	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Mai Thanh Thế
61	01.07.23	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT Kế Sách
62	01.07.24	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT Hoàng Diệu
63	01.07.25	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THCS và THPT Long Hưng
64	01.07.28	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Trần Văn Bảy
65	01.08.12	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
66	01.08.13	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Châu Văn Liêm
67	01.08.24	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
68	01.08.26	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
69	01.08.23	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
70	01.08.25	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Châu Văn Liêm
71	01.08.06	Địa lí	14.000	K.Khích	11	THPT Lương Thế Vinh
72	01.08.18	Địa lí	13.750	K.Khích	11	THPT Vĩnh Tường
73	01.08.01	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Trần Văn Bảy
74	01.08.03	Địa lí	14.000	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
75	01.08.04	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Lịch Hội Thượng
76	01.08.08	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Lịch Hội Thượng
77	01.08.09	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
78	01.08.22	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Đoàn Văn Tố

Danh sách này gồm 78 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

01-THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	01.09.01	Tiếng Anh	3.20	3.50	5.10	1.30	13.100	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
2	01.09.02	Tiếng Anh	3.20	3.80	4.70	1.30	13.000	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
3	01.09.08	Tiếng Anh	3.10	3.40	5.10	1.20	12.800	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
4	01.09.10	Tiếng Anh	3.80	3.60	5.70	1.50	14.600	Nhì	THPT chuyên Lý Tự Trọng
5	01.09.11	Tiếng Anh	3.50	3.50	5.10	1.30	13.400	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
6	01.09.12	Tiếng Anh	3.50	3.90	4	1.40	12.800	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
7	01.09.14	Tiếng Anh	3.60	3.90	4.90	1.30	13.700	Ba	THPT chuyên Lý Tự Trọng
8	01.09.26	Tiếng Anh	3.40	4.20	4.80	1.30	13.700	Ba	THPT chuyên Lý Tự Trọng
9	01.09.21	Tiếng Anh	3.20	3.40	5.20	1.40	13.200	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
10	01.09.27	Tiếng Anh	3.40	3.70	4.80	1.40	13.300	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng
11	01.09.29	Tiếng Anh	3.60	3.50	5.50	1.50	14.100	Ba	THPT chuyên Lý Tự Trọng
12	01.09.06	Tiếng Anh	3.60	3.20	5.10	1.40	13.300	K.Khích	THPT Nguyễn Khuyến
13	01.11.01	Tiếng Pháp	6.75	3	2.40	1.6	13.750	Nhì	THPT chuyên Lý Tự Trọng
14	01.11.04	Tiếng Pháp	5.70	2.25	3	1.425	12.375	Ba	THPT chuyên Lý Tự Trọng
15	01.11.06	Tiếng Pháp	5.40	2.50	3.40	1.075	12.375	Ba	THPT chuyên Lý Tự Trọng
16	01.11.13	Tiếng Pháp	6.70	2	3.40	1.65	13.750	Nhì	THPT chuyên Lý Tự Trọng
17	01.11.14	Tiếng Pháp	5.80	1.25	3.50	1.35	11.900	K.Khích	THPT chuyên Lý Tự Trọng

Danh sách này gồm 17 thí sinh